

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		ĐVT: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	187.047.397.172	172.388.932.660	395.387.840.392	349.335.402.678	
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.763.145.244	1.623.357.040	2.774.329.567	3.813.728.435	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	185.284.251.928	170.765.575.620	392.613.510.825	345.521.674.243	
4 Giá vốn hàng bán	11	117.965.936.787	118.209.584.670	262.623.472.506	250.249.340.402	
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	67.318.315.141	52.555.990.950	129.990.038.319	95.272.333.841	
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	394.338.390	1.857.034.946	633.135.577	3.156.358.305	
7 Chi phí tài chính	22	2.903.963.810	1.332.575.941	5.583.397.106	2.603.300.109	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.668.772.859	970.718.481	4.401.154.647	1.830.074.562	
8 Chi phí bán hàng	24	30.177.079.904	27.099.779.097	59.676.161.587	43.996.087.616	
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.108.166.162	6.833.343.143	19.728.417.432	16.972.257.221	
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	24.523.443.655	19.147.327.715	45.635.197.771	34.857.047.200	
11 Thu nhập khác	31	3.483.331	134.848.485	3.483.331	200.303.030	
12 Chi phí khác	32	86.301	106.998.684	752.705	172.443.650	
13 Lợi nhuận khác	40	3.397.030	27.849.801	2.730.626	27.859.380	
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24.526.840.685	19.175.177.516	45.637.928.397	34.884.906.580	
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	8.356.343.440	5.091.770.002	13.586.300.299	9.019.202.268	
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16.170.497.246	14.083.407.514	32.051.628.098	25.865.704.312	
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Kế toán trưởng

Đinh Trung Kiên

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2010

Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRAPHACO

Nguyễn Thị Mùi